

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **54** /HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 12 năm 2021
V/v: Không công nhận là vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích

Bà Vương Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2021 “về tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà **Dương Thị T**, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ Bị đơn: Ông **Vi Văn K**, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Dương Thị T trình bày:

“Tôi và anh Vi Văn K kết hôn 1989 trước khi cưới được tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Khi đó chúng tôi đi đến nhà ông Vi Văn D (khi đó là cán bộ xã Đ) để đăng ký. Chúng tôi được ông D cấp cho một Giấy đăng ký kết hôn. Tuy nhiên đến nay tôi đã bị thất lạc giấy tờ, tôi đến UBND xã Đ xin cấp lại Trích lục kết hôn, tuy nhiên Ủy ban xã không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn của vợ chồng tôi. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc. Chúng tôi sống ly thân nhau đã 9 năm nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu ly hôn anh K”.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Vi Văn L, sinh năm 1990, Vi Văn T, sinh năm 1992 và Vi Công P, sinh năm 1995. Hiện ba cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Vi Văn Khả trình bày:

“Tôi và chị Dương Thị T không đăng ký kết hôn với nhau mà chung sống cùng nhau năm 1989. Quá trình chung sống, tình cảm hòa thuận hạnh phúc đến năm 2006 thì chúng tôi phát sinh mâu thuẫn vì chị T có quan hệ với người khác. Chúng tôi sống ly thân nhau đã nhiều năm nay. Nay tôi xác định tình cảm không còn, không thể sống chung với nhau nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa chúng tôi.

Về con chung: Tôi và chị T có 03 con chung là: Vi Văn L, sinh năm 1990, Vi Văn T, sinh năm 1992 và Vi Công P, sinh năm 1995. Hiện ba cháu đều đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, đất nông nghiệp: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác”.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa xác định quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng đối với đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Dương Thị T và ông Vi Văn K chung sống với nhau từ năm 1989, hôn lễ được tổ chức theo nghi lễ phong tục tập quán địa phương. Theo lời trình bày của nguyên đơn: “Năm 1989 chúng tôi đi đăng ký kết hôn thì đến nhà ông D làm cán bộ xã. Tại nhà ông D ông cấp cho chúng tôi một đăng ký kết hôn. Nay tôi ra Ủy ban nhân xã thì sổ bìa đá không có tên chúng tôi, còn giấy đăng ký thì chồng tôi giữ hoặc mất nên không cung cấp cho Tòa án được”. Do đương sự không cung cấp được chứng cứ, Tòa án đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã cung cấp chứng cứ. Tại công văn số 143/UBND-TP ngày 19 tháng 10 năm 2021 Ủy ban nhân dân xã Đ nơi đương sự cư trú cung cấp: “Sổ đăng ký kết hôn năm 1989 không còn lưu giữ, thông tin đăng ký kết hôn của bà Dương Thị T và ông Vi Văn K không có trong các sổ đăng ký kết hôn hiện đang quản lý tại địa phương”. Do vậy đủ cơ sở kết luận bà Dương Thị T và ông Vi Văn K từ khi kết hôn cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Vi Văn K không được pháp luật thừa nhận.

Thực tế quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Thị T và ông Vi Văn K đã ly thân cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ nhiều năm nay, bản thân ông Vi Văn K xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Dương Thị T và cũng đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng. Do vậy xác định cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không

công nhận vợ chồng giữa các đương sự.

[3] Về con chung: Con chung đã trưởng thành và đương sự không đề nghị giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Dương Thị T và ông Vi Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Không giải quyết.

- Về tài sản chung: Không giải quyết.

Về án phí: Bà Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2020/0003224 ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nay chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành dân sự;
- UBND xã Đh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

Trần Thị Lệ Thanh